

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1259 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, chia sẻ và khai thác,
sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban
Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và
chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp
ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;*

*Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ
liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của
cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc
hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ về cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;*

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Tờ diễn dữ liệu dùng chung Bộ Nội vụ (Phiên bản 1.0);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, chia sẻ và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ (để p/hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/hợp);
- Công Thông tin điện tử Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCPCP, TTCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long



PHỤ LỤC

**Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, chia sẻ và khai thác,
sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ**
(Kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-BNV ngày 16/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Hướng dẫn áp dụng đối với việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin có liên quan thông qua các trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Hướng dẫn chỉ áp dụng đối với việc khai thác dữ liệu; không áp dụng đối với việc tiếp nhận, cập nhật dữ liệu từ hệ thống bên ngoài vào Cơ sở dữ liệu.

2. Hướng dẫn này là cơ sở thống nhất về kỹ thuật để tổ chức kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước, thẩm quyền tạo lập, xác nhận, cập nhật và chịu trách nhiệm về dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền quản lý hội, quỹ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ được giao quản lý, vận hành, quản trị Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ và các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tham gia xây dựng, kết nối, tích hợp, vận hành Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ theo phạm vi được giao.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ và khai thác theo đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; sử dụng thống nhất mã định danh, bảng mã, kiểu dữ liệu và cấu trúc dữ liệu theo Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Nội vụ.

3. Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, là nguồn tạo lập và quản lý dữ liệu gốc về hội, quỹ. Cơ quan có thẩm quyền quản lý hội, quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật.

4. Dữ liệu chỉ được cung cấp thông qua các trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu bằng API, gồm:

a) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ (LGSP), áp dụng đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Nội vụ;

b) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP), Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP), áp dụng đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

5. Không thiết lập kết nối điểm - điểm trực tiếp vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ; không cung cấp dữ liệu thông qua kho dữ liệu trung gian; không trao đổi dữ liệu thủ công hoặc dữ liệu đóng gói.

6. Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu chỉ cung cấp chức năng khai thác dữ liệu; cơ quan, đơn vị khai thác không được tạo mới, cập nhật, sửa đổi hoặc xóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ thông qua kết nối.

7. Dữ liệu trước khi chia sẻ phải được kiểm tra về cấu trúc, định dạng, mã định danh, tính đầy đủ, tính hợp lệ và khả năng đối soát.

8. Dữ liệu phát sinh mới, thay đổi hoặc hủy trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ được ghi nhận sự kiện (thêm mới, cập nhật, hủy) và phiên bản dữ liệu; hệ thống khai thác thực hiện đồng bộ theo thời gian cập nhật và phiên bản dữ liệu với tần suất được thống nhất giữa các bên.

9. Đối với hệ thống thông tin chưa đáp ứng điều kiện kết nối trực tuyến, cơ quan, đơn vị chủ quản hệ thống có trách nhiệm xây dựng phương án, lộ trình và thời hạn hoàn thành việc kết nối, đồng bộ tự động.

10. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các quy định về bảo mật trong toàn bộ quá trình kết nối, truyền nhận, lưu trữ và khai thác dữ liệu.

Điều 4. Quản lý chất lượng dữ liệu chia sẻ

1. Dữ liệu chia sẻ phải bảo đảm xác định rõ:

- a) Nguồn dữ liệu;
- b) Cơ quan, đơn vị tạo lập và quản lý dữ liệu;
- c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác nhận dữ liệu;
- d) Cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;
- đ) Thời điểm tạo lập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;
- e) Lịch sử thay đổi và phiên bản dữ liệu.

2. Dữ liệu chỉ được đưa vào chia sẻ sau khi đã được kiểm tra, chuẩn hóa theo danh mục dùng chung và quy định kỹ thuật.

3. Trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ hoặc có sai lệch, cơ quan, đơn vị khai thác thông báo cho Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý hội, quỹ kiểm tra, điều chỉnh và cung cấp lại dữ liệu.

4. Việc điều chỉnh dữ liệu tại hệ thống khai thác không làm thay đổi dữ liệu gốc trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ; cơ quan, đơn vị khai thác không được tự ý điều chỉnh dữ liệu gốc.

Điều 5. Khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ được khai thác, sử dụng phục vụ:

- a) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp, tổ chức;
- b) Quản lý nhà nước về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ; cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị công;
- c) Giám sát, phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển quốc gia;
- d) Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền;
- đ) Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương;
- e) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xã hội số;
- g) Phục vụ công tác phòng, chống tội phạm;
- h) Quan hệ hợp tác quốc tế để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và hội nhập quốc tế;
- i) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Việc khai thác dữ liệu phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị và phạm vi quyền khai thác được cấp.

3. Việc khai thác dữ liệu được thực hiện thông qua các phương thức phù hợp như giao diện ứng dụng, API, dịch vụ dữ liệu hoặc các phương thức khác theo quy định kỹ thuật.

4. Việc khai thác dữ liệu phải được xác thực, phân quyền và ghi nhận ký để phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Công nghệ thông tin

- a) Chủ trì quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật, Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Nội vụ (LGSP) theo phân công;
- b) Hướng dẫn kỹ thuật, tiếp nhận yêu cầu kết nối; đăng ký, công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; phân quyền khai thác cho cơ quan, đơn vị đủ điều kiện;
- c) Kiểm tra, giám sát việc truyền, nhận, đồng bộ và khai thác dữ liệu; phối hợp đối soát, xử lý dữ liệu lỗi, dữ liệu không hợp lệ;
- d) Quản lý tài khoản, phân quyền, nhật ký khai thác và các thông tin phục vụ quản trị hệ thống;
- đ) Chủ trì cập nhật, điều chỉnh Hướng dẫn kỹ thuật khi có thay đổi về kiến trúc, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu quản lý.

2. Vụ Tổ chức phi chính phủ

- Chủ trì xác định phạm vi dữ liệu được chia sẻ và đối tượng được khai thác;
- Đơn đốc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, điều chỉnh dữ liệu gốc khi có phản ánh dữ liệu sai lệch từ cơ quan, đơn vị khai thác;
- Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin xử lý các trường hợp dữ liệu sai lệch, thiếu, trùng lặp hoặc không đồng bộ được.

3. Cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu:

- Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền;
- Không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu trái quy định;
- Bảo đảm an toàn tài khoản, thông tin xác thực và các thông tin được cung cấp;
- Chịu trách nhiệm về việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.

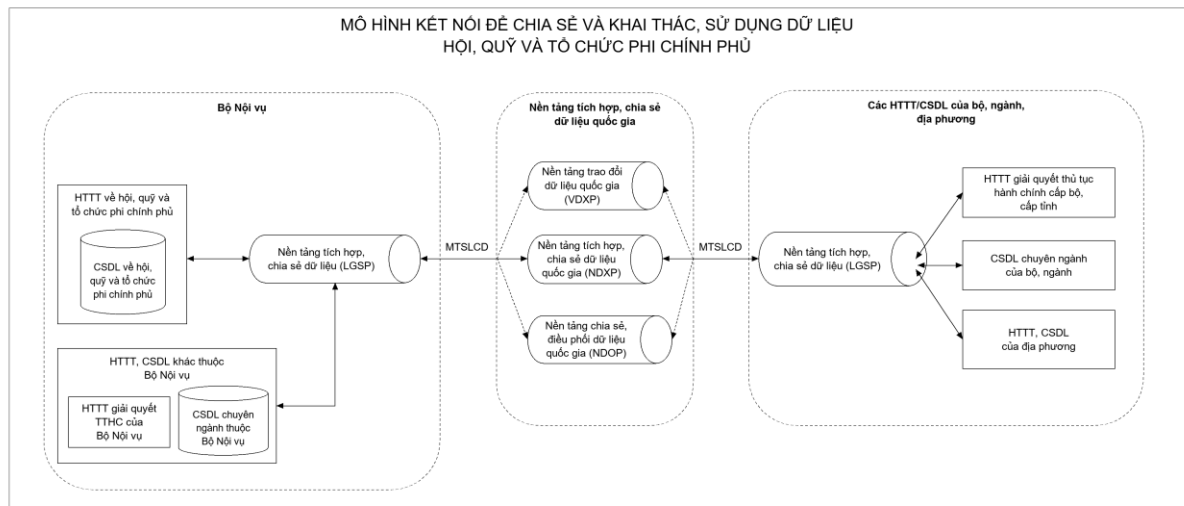
4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc yêu cầu điều chỉnh về kỹ thuật, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

CHƯƠNG II

Kỹ thuật kết nối, chia sẻ và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ

I. Phương thức kết nối

1. Mô hình kết nối



Hình 1: Mô hình kết nối, chia sẻ và khai thác, sử dụng dữ liệu hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ

Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ do Bộ Nội vụ quản lý là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nguồn tạo lập và quản lý dữ liệu gốc về hội, quỹ. Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu tại Phụ lục này chỉ cung cấp chức năng khai thác dữ liệu; không cung cấp chức năng tiếp nhận, cập nhật dữ liệu từ hệ thống bên ngoài vào Cơ sở dữ liệu.

Các dịch vụ này được tích hợp, cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia (VDXP), Nền tảng chia sẻ, điều

phối dữ liệu quốc gia (NDOP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) của Bộ Nội vụ.

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Nội vụ kết nối trực tiếp qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP). Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương kết nối qua NDXP, VDXP hoặc NDOP.

Toàn bộ kết nối được thực hiện trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước (MTSLCD), bảo đảm an toàn, bảo mật theo giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ. Quy trình kết nối phải tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ.

2. Đặc tả các dịch vụ dữ liệu hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ

2.1. Danh sách dịch vụ dữ liệu

ST T	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Mô tả
1	Dịch vụ lấy Token	hq_token	Khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc với các dịch vụ dữ liệu hội, quỹ. Token được sử dụng cho tất cả các dịch vụ còn lại.
2	Khai thác dữ liệu thông tin hội	hq_hoi_01	Cung cấp dữ liệu thông tin hội trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ: thông tin tổ chức, số lượng hội viên, người làm việc, tổ chức pháp nhân thuộc hội, quy chế; lãnh đạo hội; quá trình hoạt động; tài chính, tài sản; khen thưởng, xử lý vi phạm. Mỗi bản tin là thông tin của 01 hội.
3	Khai thác dữ liệu thông tin quỹ	hq_quy_01	Cung cấp dữ liệu thông tin quỹ trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ: thông tin tổ chức, quyết định thành lập, công nhận; lãnh đạo, Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát; quá trình hoạt động; tài chính; khen thưởng, xử lý vi phạm. Mỗi bản tin là thông tin của 01 quỹ.
4	Khai thác dữ liệu danh mục	hq_dm_01	Cung cấp giá trị các danh mục dùng chung sử dụng trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Mỗi bản tin là 01 bản ghi giá trị danh mục.

2.2. Chi tiết các dịch vụ dữ liệu

2.2.1. Dịch vụ lấy Token (hq_token)

- Mục đích: Dịch vụ tạo token của trực kết nối khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc thông qua token này. Token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các dịch vụ dữ liệu hội, quỹ nêu tại mục 2.1.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	String	x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra API

TT	Tên trường	Định dạng	Mô tả
1	access_token	String	Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc
2	scope	String	Phạm vi sử dụng của token
3	token_type	String	Kiểu token
4	expires_in	Number	Thời gian token có hiệu lực (giây)

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	URL	{{base_url}}/token
Request header	Method	POST
	Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
	Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret) (cấp khóa consumer-key và consumer-secret do đơn vị quản lý trực cung cấp cho mỗi hệ thống thông tin)
Request Body	Body	grant_type=client_credentials
Response Body	200 OK	{"access_token": "d32ed548-e44c-350c-b047-c10f829064fb", "scope": "am_application_scope default", "token_type": "Bearer", "expires_in": 3600}

2.2.2. API khai thác dữ liệu thông tin hội (hq_hoi_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu thông tin hội trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Dữ liệu gồm thông tin tổ chức hội, danh sách lãnh đạo, quá trình hoạt động, tài chính, tài sản, khen thưởng và xử lý vi phạm theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maHoi	String		Mã đơn vị hội (khóa nghiệp vụ). Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu của 01 hội
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thời gian cập nhật tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maHoi	String	x		Mã đơn vị hội (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: thongtinhoi
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu thông tin hội (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thể tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	Root			x		Phần mô tả
1.	NguonDuLieu	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguonDuLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDuLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: thongtinhoi
2.	TrangThaiDuLieu	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, giải thể, đổi tên hội, quỹ; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
2.3	MoTa	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: $(2^{31})-1$
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	DuLieuChiaSe	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin của 01 hội. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lập	Ghi chú
						của hội được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	MaHoi	String	15	x		Mã đơn vị hội * Khóa nghiệp vụ
3.3	TTToChucHoi	Object		x		Thông tin tổ chức hội
3.3.1	TTCapToChuc	Object		x		Biểu tượng, cấp tổ chức của Hội
3.3.1.1	CapToChuc	String	1	x		Mã cấp tổ chức, theo danh mục Cấp tổ chức 0 - Trung ương 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh, thành phố 3 - Xã, phường, đặc khu 4 - Khác
3.3.1.2	PhamViHoatDong	String	1	x		Mã phạm vi hoạt động của hội theo danh mục Phạm vi hoạt động của hội 0 - Toàn quốc 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương 3 - Xã/Phường/Đặc khu
3.3.1.3	LaHoiDangNhaNuoc GiaoNhiemVu	Boolean		x		Là Hội Đảng nhà nước giao nhiệm vụ - 1 - Đúng - 0 - Sai
3.3.2	TTTenGoiHoi	Object		x		Thông tin tên gọi của Hội
3.3.2.1	TenTiengViet	String	255	x		Tên gọi của Hội bằng tiếng Việt.
3.3.2.2	TenTiengAnh	String	255			Tên gọi của Hội bằng tiếng Anh, nếu có.
3.3.2.3	TenVietTat	String	255			Tên viết tắt của Hội, nếu có.
3.3.3	QDThanhLap	Object		x		Thông tin quyết định thành lập
3.3.3.1	ThoiGianBanHanhQD	String	10	x		Ngày ban hành quyết định thành lập. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.3.2	SoKyHieuQDThanhLap	String	50	x		Số, ký hiệu quyết định thành lập.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.3.3	NguoiKyQuyetDinh	String	255			Họ và tên người ký quyết định thành lập.
3.3.3.4	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định thành lập.
3.3.4	TTQDPheDuyetDieuLe	Object				Quyết định phê duyệt Điều lệ nhiệm kỳ hiện tại
3.3.4.1	ThoiGianQDPheDuyet	String	10			Ngày ban hành quyết định phê duyệt Điều lệ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.4.2	SoKyHieuQDPheDuyet	String	50			Số, ký hiệu quyết định phê duyệt Điều lệ.
3.3.4.3	NguoiKyQuyetDinh	String	255			Họ và tên người ký quyết định thành lập.
3.3.4.4	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định phê duyệt Điều lệ.
3.3.4.5	ThoiGianToChucDaiHoiKeTiep	String	4			Năm dự kiến tổ chức đại hội nhiệm kỳ kế tiếp. Định dạng YYYY
3.3.5	TonChiMucDichCuaHoi	String	5000			Nội dung tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
3.3.6	CoQuanQuanLyLVHD	String	2			Mã cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Hội Danh mục Cơ quan quản lý theo lĩnh vực hoạt động chính của Hội
3.3.7	LinhVucHoatDongCanh	String	2			Mã lĩnh vực hoạt động chính, theo danh mục lĩnh vực hoạt động 0 - Thanh tra 1 - Xây dựng 2 - Công an 3 - Công Thương 4 - Dân tộc và Tôn giáo 5 - Giáo dục và Đào tạo 6 - Khoa học, Công nghệ 7 - Nông nghiệp và Môi trường 8 - Ngoại giao 9 - Nội vụ 10 - Quốc phòng 11 - Tài chính 12 - Tư pháp 13 - Văn hóa, thể thao và du lịch 14 - Ngân hàng 15 - Y tế

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						16 - Những lĩnh vực khác
3.3.8	TinhChatHoi	String	1			Mã tính chất hội, theo danh mục Tính chất hội: 0 - Chính trị - xã hội - nghề nghiệp 1 - Chính trị - Xã hội 2 - Xã hội 3 - Xã hội - nghề nghiệp 4 - Hội đảng nhà nước giao nhiệm vụ 5 - Chưa xác định
3.3.9	LoaiHinhHoi	String	1			Mã loại hình hội theo danh mục Loại hình hội: 0 - Liên minh 1 - Liên đoàn 2 - Hiệp hội 3 - Liên hiệp hội 4 - Hội 5 - Tổng hội 6 - Câu lạc bộ 7 - Ủy ban 8 - Loại hình khác
3.3.10	TTTruSo	Object				Trụ sở chính
3.3.10.1	DiaChi	Object				Thông tin địa chỉ của trụ sở
3.3.10.1.1	DiaChiChiTiet	String	500	x		Địa chỉ chi tiết
3.3.10.1.2	MaXa	String	5	x		Mã xã, phường, thị trấn. Mã xã, phường, thị trấn theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.10.1.3	MaTinh	String	2	x		Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.10.1.4	QuocGia	String	2			Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài. Mã quốc gia của địa chỉ theo danh mục quy định tại QCVN 109:2017/BTTTT
3.3.10.2	SoDienThoai	String	11			Số điện thoại của Hội.
3.3.10.3	Website	String	255			Địa chỉ website của Hội.
3.3.10.4	Email	String	255			Địa chỉ thư điện tử của Hội.
3.3.10.5	MaSoThue	String	14			Mã số thuế của Hội.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.11	DSSoLuongHoiVien	Object				Danh sách thông tin số lượng hội viên
3.3.11.1	SoLuongHoiVien	Array<Object>		x	x	Thông tin số lượng hội viên từng năm
3.3.11.1.1	Nam	String	4	x		Năm thống kê số lượng hội viên. Định dạng YYYY
3.3.11.1.2	HoiVienChinhThuc	Object				Hội viên chính thức
3.3.11.1.2.1	HoiVienChinhThucCaNhanMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên chính thức trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.2.2	HoiVienChinhThucCaNhanKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên chính thức trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.2.3	HoiVienChinhThucToChucMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên chính thức trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.2.4	HoiVienChinhThucToChucKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên chính thức trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.3	HoiVienDanhDu	Object				Hội viên danh dự
3.3.11.1.3.1	HoiVienDanhDuCaNhanMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên danh dự trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.3.2	HoiVienDanhDuCaNhanKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên danh dự trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.3.3	HoiVienDanhDuToChucMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên danh dự trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.11.1.3.4	HoiVienDanhDuToC hucKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên danh dự trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.4	HoiVienLienKet	Object				Hội viên liên kết
3.3.11.1.4.1	HoiVienLienKetCaNhanMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên liên kết trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.4.2	HoiVienLienKetCaNhanKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên cá nhân, hội viên liên kết trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.4.3	HoiVienLienKetToC hucMoiKetNap	Number	8			Số hội viên mới kết nạp thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên liên kết trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.11.1.4.4	HoiVienLienKetToC hucKhaiTru	Number	8			Số hội viên khai trừ thuộc nhóm hội viên tổ chức, hội viên liên kết trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.12	DSNguoiLamViecTaiHoi	Object				Danh sách thông tin số người làm việc tại Hội
3.3.12.1	NguoiLamViecTaiHoi	Array<Object>		x	x	Thông tin số người làm việc tại Hội
3.3.12.1.1	Nam	String	4	x		Năm thống kê người làm việc tại Hội. Định dạng YYYY
3.3.12.1.2	TongSoNguoiLamViecChuyenTrachTaiHoi	Number	8	x		Tổng số người làm việc chuyên trách tại Hội trong năm. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.12.1.3	TongSoBienCheDuocCoQuanNhaNuocCoThamQuyengiao	Number	8	x		Tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.12.1.4	SoNguoiLamViecTaiHoiDoHoiTuHopDon	Number	8	x		Số người làm việc tại Hội theo hợp đồng do Hội tự thỏa thuận. Giá trị nhỏ nhất: 0

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						Giá trị lớn nhất: $(10^8)-1$
3.3.13	DSTTToChucPhapNhan	Object				Danh sách các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội
3.3.13.1	TTToChucPhapNhan	Array<Object>		x	x	Thông tin tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội
3.3.13.1.1	TenDonVi	String	255	x		Tên tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội.
3.3.13.1.2	LoaiToChuc	String	2	x		Loại tổ chức, theo danh mục Loại tổ chức Danh mục Loại tổ chức thuộc Hội
3.3.13.1.3	ToChucPhapNhan	Boolean		x		Thông tin tổ chức pháp nhân. 0 – Không 1 - Có
3.3.13.1.4	DiaChi	Object				Địa chỉ của tổ chức.
3.3.13.1.4.1	DiaChiChiTiet	String	500			Địa chỉ chi tiết
3.3.13.1.4.2	MaXa	String	5	x		Mã xã, phường, thị trấn. Mã xã, phường, thị trấn theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.13.1.4.3	MaTinh	String	2	x		Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.13.1.4.4	QuocGia	String	2			Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài. Mã quốc gia của địa chỉ theo danh mục quy định tại QCVN 109:2017/BTTTT
3.3.13.1.5	MaSoThue	String	14			Mã số thuế của tổ chức.
3.3.13.1.6	DienThoai	String	11			Số điện thoại của tổ chức.
3.3.13.1.7	SoQuyétDinhThanhLap	String	255			Số quyết định thành lập tổ chức.
3.3.13.1.8	NgayQuyétDinh	String	10			Ngày ban hành quyết định thành lập tổ chức. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.13.1.9	CoQuanBanHanhQuyétDinh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định thành lập tổ chức
3.3.14	DSQuyCheQuyDinh	Object				Danh sách quy chế, quy định nội bộ của Hội

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.14.1	QuyCheQuyDinh	Array<Object>		x	x	Quy chế, quy định nội bộ của Hội
3.3.14.1.1	TenQuyCheQuyDinh NoiBoCuaHoi	String	2025	x		Tên quy chế hoặc quy định nội bộ của Hội.
3.3.14.1.2	CoQuanDonViBanHanh	String	255	x		Tên cơ quan, đơn vị ban hành quy chế, quy định.
3.3.14.1.3	GhiChu	String	2025			Thông tin ghi chú.
3.4	DSLanhDao	Object				Danh sách các Lãnh đạo hội của Hội
3.4.1	LanhDao	Array<Object>		x	x	Thông tin Lãnh đạo hội của Hội
3.4.1.1	DSCapLanhDaoHoi	Object		x		Danh sách cấp lãnh đạo Hội
3.4.1.1.1	CapLanhDao	Array<String>	1	x	x	Thông tin cấp lãnh đạo Hội Danh mục cấp lãnh đạo Hội 1- Lãnh đạo hội 2 - Ban chấp hành 3 - Ban thường vụ 4 - Ban kiểm tra 5 - Lãnh đạo văn phòng 6 - Lãnh đạo phòng ban 7 - Lãnh đạo tổ chức 8 - Lãnh đạo chi hội
3.4.1.2	SoDinhDanh	String	12	x		Số định danh cá nhân
3.4.1.3	HoVaTen	String	150	x		Họ, chữ đệm và tên khai sinh
3.4.1.4	GioiTinh	String	2			Giới tính theo danh mục tại QCVN 109:2017/BTTTT: 0 - Chưa có thông tin 1 - Giới tính nam 2 - Giới tính nữ
3.4.1.5	NgayThangNamSinh	Object				Ngày tháng năm sinh
3.4.1.5.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.5.2	ThangNam	String	7			Tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.5.3	Nam	String	4			Năm sinh. Định dạng YYYY
3.4.1.6	DSGiayToDinhDanhCN	Object				Danh sách giấy tờ định danh cá nhân
3.4.1.6.1	GiayToDinhDanhCN	Array<Object>		x	x	Giấy tờ định danh cá nhân

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.4.1.6.1.1	LoaiGiayTo	String	2	x		Loại giấy tờ cá nhân theo danh mục - 1: Giấy khai sinh - 2: Chứng minh nhân dân - 3: Giấy chứng minh sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam - 4: Giấy chứng minh công an nhân dân - 5: Căn cước công dân - 6: Hộ chiếu - 7: Sổ hộ khẩu - 8: Các loại giấy tờ tùy thân khác
3.4.1.6.1.2	SoGiayTo	String	30	x		Số giấy tờ.
3.4.1.6.2	NgayCap	Object				Ngày cấp giấy tờ
3.4.1.6.2.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.6.2.2	ThangNam	String	7			Tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.6.2.3	Nam	String	4			Năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY
3.4.1.6.3	NoiCap	String	200			Nơi cấp
3.4.1.6.4	NgayHetHan	Object				Ngày hết hạn
3.4.1.6.4.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.6.4.2	ThangNam	String	7			Tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.6.4.3	Nam	String	4			Năm hết hạn. Định dạng YYYY
3.4.1.7	ChucDanh	String	2	x		Mã chức danh, theo danh mục Chức danh Hội 0 - Chánh Văn phòng 1 - Phó Chánh Văn phòng 2 - Viện trưởng 3 - Tổng biên tập 4 - Chi hội trưởng 5 - Chi hội phó 6 - Trưởng ban 7 - Phó Trưởng ban 8 - Trưởng phòng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						9 - Phó Trưởng phòng 10 - Trưởng ban kiểm tra 11 - Ủy viên Ban Thường vụ 12 - Chủ tịch 13 - Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội 14 - Ủy viên Ban Chấp hành 15 - Giám đốc 16 - Phó giám đốc 17 - Khác
3.4.1.8	CoQuanDangCongTatc	String	255			Cơ quan nơi cá nhân đang công tác
3.4.1.9	ChucDanhChucVuCaonhat	String	3			Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước Danh mục Chức danh, chức vụ trong cơ quan nhà nước
3.5	QuaTrinhHoatDong	Object				Quá trình hoạt động
3.5.1	QDThanhLapBVD	Object				Quyết định thành lập Ban vận động của Hội
3.5.1.1	ThoiGianBanHanh	String	10	x		Ngày ban hành quyết định thành lập Ban vận động. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.1.2	SoKyHieuQD	String	50	x		Số, ký hiệu quyết định thành lập Ban vận động.
3.5.1.3	NguoiKyQD	String	255			Họ và tên người ký quyết định.
3.5.1.4	CoQuanBanHanh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định
3.5.2	DSNguoiBanVanDong	Object				Danh sách người trong Ban vận động
3.5.2.1	NguoiBanVanDong	Array<Object>		x	x	Thông tin người trong Ban vận động
3.5.2.1.1	SoDinhDanh	String	12	x		Số định danh cá nhân
3.5.2.1.2	HoVaTen	String	150	x		Họ, chữ đệm và tên khai sinh
3.5.2.1.3	GioiTinh	String	2			Giới tính theo danh mục tại QCVN 109:2017/BTTTT: 0 - Chưa có thông tin 1 - Giới tính nam 2 - Giới tính nữ
3.5.2.1.4	NgayThangNamSinh	Object		x		Ngày tháng năm sinh
3.5.2.1.4.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						(Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.5.2.1.4.2	ThangNam	String	7			Tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM
3.5.2.1.4.3	Nam	String	4			Năm sinh. Định dạng YYYY
3.5.2.1.5	DSGiayToDinhDan hCN	Object				Danh sách giấy tờ định danh cá nhân
3.5.2.1.5.1	GiayToDinhDanhCN	Array<Object>		x	x	Giấy tờ định danh cá nhân
3.5.2.1.5.1.1	LoaiGiayTo	String	2	x		Loại giấy tờ cá nhân theo danh mục - 1: Giấy khai sinh - 2: Chứng minh nhân dân - 3: Giấy chứng minh sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam - 4: Giấy chứng minh công an nhân dân - 5: Căn cước công dân - 6: Hộ chiếu - 7: Sổ hộ khẩu - 8: Các loại giấy tờ tùy thân khác
3.5.2.1.5.1.2	SoGiayTo	String	30	x		Số giấy tờ.
3.5.2.1.5.2	NgayCap	Object				Ngày cấp giấy tờ
3.5.2.1.5.2.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.5.2.1.5.2.2	ThangNam	String	7			Tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM
3.5.2.1.5.2.3	Nam	String	4			Năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY
3.5.2.1.5.3	NoiCap	String	200			Nơi cấp
3.5.2.1.5.4	NgayHetHan	Object				Ngày hết hạn
3.5.2.1.5.4.1	NgayThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.5.2.1.5.4.2	ThangNam	String	7			Tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.5.2.1.5.4.3	Nam	String	4			Năm hết hạn. Định dạng YYYY
3.5.2.1.6	QueQuan	Object				Quê quán
3.5.2.1.6.1	DiaChiChiTiet	String	500	x		Địa chỉ chi tiết.
3.5.2.1.6.2	MaXa	String	5	x		Mã xã, phường, thị trấn. Mã xã, phường, thị trấn theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg.
3.5.2.1.6.3	MaTinh	String	2	x		Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg.
3.5.2.1.6.4	QuocGia	String	3			Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài. Mã quốc gia của địa chỉ theo danh mục quy định tại QCVN 109:2017/BTTTT
3.5.2.1.7	TrinhDoChuyenMon	String	30			Mã trình độ chuyên môn, theo danh mục Trình độ chuyên môn
3.5.2.1.8	ChucDanhTrongBanVanDong	String	1			Mã chức danh trong Ban vận động, theo danh mục Chức danh trong Ban vận động: 0 – Trưởng ban 1 – Phó Trưởng ban 2 – Thành viên
3.5.2.1.9	DSQuaTrinhToChucDaiHoi	Object				Danh sách Quá trình tổ chức đại hội
3.5.2.1.9.1	QuaTrinhToChucDaiHoi	Array<Object>		x	x	Thông tin tổ chức đại hội
3.5.2.1.9.1.1	NhiemKy	String	255	x		Nhiệm kỳ đại hội chọn từ danh mục, theo danh mục Nhiệm kỳ
3.5.2.1.9.1.2	ThoiGianBatDau	String	10	x		Thời gian bắt đầu nhiệm kỳ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.2.1.9.1.3	ThoiGianKetThuc	String	10	x		Thời gian kết thúc nhiệm kỳ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.2.1.9.1.4	ChuTich	String	255	x		Họ tên chủ tịch của nhiệm kỳ.
3.5.2.1.9.1.5	TongThuKy	String	255			Họ tên tổng thư ký của nhiệm kỳ.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.5.2.1.9.1.6	NgayToChuc	String	10			Ngày tổ chức đại hội. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.2.1.10	DSBaoCaoHoatDongNam	Object				Danh sách Báo cáo hoạt động năm
3.5.2.1.10.1	Nam	Array<String>	4	x	x	Năm báo cáo hoạt động. Định dạng YYYY
3.5.2.1.11	DSTiepNhanVienTro	Object				Danh sách Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài
3.5.2.1.11.1	TiepNhanVienTro	Array<Object>		x	x	Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài
3.5.2.1.11.1.1	TenDuAnPhiDuAn	String	255	x		Tên dự án hoặc phi dự án.
3.5.2.1.11.1.2	DonViThucHien	String	255			Đơn vị thực hiện dự án/phi dự án.
3.5.2.1.11.1.3	TenToChucVienTro	String	255			Tên tổ chức viện trợ.
3.5.2.1.11.1.4	TongVonDuAn	Number	15			Tổng vốn của dự án/phi dự án (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.5.2.1.11.1.5	VonVienTro	Number	15			Giá trị vốn viện trợ. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.5.2.1.11.1.6	VonDoiUng	Number	15			Giá trị vốn đối ứng. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.5.2.1.11.1.7	ThoiGianThucHien	String	10	x		Thời gian bắt đầu thực hiện. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.2.1.11.1.8	ThoiGianKetThuc	String	10	x		Thời gian kết thúc. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.2.1.11.1.9	TongThoiGianThucHien	String	255	x		Tổng thời gian thực hiện dự án/phi dự án.
3.5.2.1.11.1.10	DiaDiemTrienKhai	String	255			Địa điểm triển khai.
3.5.2.1.11.1.11	HienTrangTrienKhai	String	500			Hiện trạng triển khai
3.6	TaiChinhTaiSan	Object				Tài chính, tài sản
3.6.1	DSTaiChinh	Object				Danh sách Tài chính của Hội
3.6.1.1	TaiChinh	Array<Object>		x	x	Thông tin Tài chính của Hội

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.6.1.1.1	Nam	String	4	x		Năm tài chính. Định dạng YYYY
3.6.1.1.2	NganSachNhaNuocHoTro	Number	15			Giá trị ngân sách nhà nước hỗ trợ trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.1.1.3	NguonKinhPhiTuNuocNgoai	Number	15			Giá trị nguồn kinh phí từ nước ngoài trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.1.1.4	NguonKhac	Number	15			Giá trị nguồn kinh phí khác trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.1.1.5	TongThu	Number	15			Tổng thu trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.1.1.6	TongChi	Number	15			Tổng chi trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.1.1.7	DienGiai	String	1025			Nội dung diễn giải tài chính.
3.6.2	DSTaiSan	Object				Danh sách Tài sản của Hội
3.6.2.1	TaiSan	Array<Object>		x	x	Thông tin Tài sản của Hội
3.6.2.1.1	Nam	String	4	x		Năm thống kê tài sản. Định dạng YYYY
3.6.2.1.2	TaiSanHinhThanhTuNganSachNhaNuoc	String	15			Giá trị tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.2.1.3	TaiSanTuNguonVienTroVaNguonHopPhap	String	15			Giá trị tài sản từ nguồn viện trợ và nguồn hợp pháp (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.2.1.4	TongTaiSan	String	15			Tổng giá trị tài sản (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ¹⁵)-1
3.6.2.1.5	DienGiai	String	1025			Nội dung diễn giải tài sản.
3.7	KhenThuongXuLyViPham	Object				Khen thưởng xử lý, vi phạm
3.7.1	DSKhenThuong	Object				Danh sách Khen thưởng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.7.1.1	KhenThuong	Array<Object>		x	x	Thông tin Khen thưởng
3.7.1.1.1	Nam	String	4	x		Năm khen thưởng. Định dạng YYYY
3.7.1.1.2	QuyetDinhKhenThuong	String	255			Thông tin quyết định khen thưởng.
3.7.1.1.3	HinhThucKhenThuong	String	1	x		Mã hình thức khen thưởng, theo danh mục hình thức khen thưởng: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
3.7.1.1.4	CapCoThamQuyenKhenThuong	String	255			Cấp có thẩm quyền khen thưởng cho hội.
3.7.2	DSXuLyViPham	Object				Danh sách Xử lý vi phạm
3.7.2.1	XuLyViPham	Array<Object>		x	x	Thông tin Xử lý vi phạm
3.7.2.1.1	Nam	String	4	x		Năm xử lý vi phạm. Định dạng YYYY
3.7.2.1.2	QuyetDinhKyLuot	String	255			Thông tin quyết định kỷ luật.
3.7.2.1.3	HinhThucKyLuot	String	1	x		Mã hình thức kỷ luật, theo danh mục hình thức kỷ luật: 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
3.7.2.1.4	HanhViKyLuot	String	255			Hành vi kỷ luật.
3.7.2.1.5	SoTruongHopKyLuot	Number	4			Số trường hợp bị kỷ luật. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.2.1.6	SoTruongHopGiaiQuyyet	Number	4			Số trường hợp đã giải quyết. Giá trị nhỏ nhất: 0

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.2.1.7	CoQuanQuyetDinh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật, theo danh mục Cơ quan
3.7.3	DSKhenThuongNoiBo	Object				Danh sách Khen thưởng nội bộ
3.7.3.1	KhenThuongNoiBo	Array<Object>		x	x	Thông tin Khen thưởng nội bộ
3.7.3.1.1	Nam	Number	4	x		Năm khen thưởng nội bộ. Định dạng YYYY
3.7.3.1.2	QuyetDinhKhenThuong	String	255			Thông tin quyết định khen thưởng.
3.7.3.1.3	HinhThucKhenThuong	String	1	x		Hình thức khen thưởng Hình thức khen thưởng chọn từ danh mục: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
3.7.3.1.4	CapCoThamQuyenKhenThuong	String	30			Cấp có thẩm quyền khen thưởng, theo danh mục Phân cấp
3.7.4	DSXuLyViPhamNoiBo	Object				Danh sách Xử lý vi phạm nội bộ
3.7.4.1	XuLyViPhamNoiBo	Array<Object>		x	x	Thông tin Xử lý vi phạm nội bộ
3.7.4.1.1	Nam	String	4	x		Năm xử lý vi phạm. Định dạng YYYY
3.7.4.1.2	QuyetDinhKyLuot	String	255			Thông tin quyết định kỷ luật.
3.7.4.1.3	HinhThucKyLuot	String	1	x		Mã hình thức kỷ luật, theo danh mục hình thức kỷ luật: 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
3.7.4.1.4	HanhViKyLuat	String	255			Hành vi kỷ luật.
3.7.4.1.5	SoTruongHopKyLuat	Number	4			Số trường hợp bị kỷ luật. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.4.1.6	SoTruongHopGiaiQuy yet	Number	4			Số trường hợp đã giải quyết. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.4.1.7	CoQuanQuyetDinh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật, theo danh mục Cơ quan

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	URL	{{base_url}}/apiHoiQuy/1.0/api/v1/thongtinhoi
Request header	Method	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ hq_token)
Request	Tham số	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng
Response Body	Thành công	<pre>{ "code": 200, "message": "Thành công!", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00", "data": { "content": [{ "idBanGhi": "G09-thongtinhoi-000123", "maHoi": "HOI000000000123", "maLoaiDuLieu": "thongtinhoi", "suKien": "UPDATE", "phienBan": 2, "thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00", "duLieu": "PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wLjIiB1bmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..." }], "pageNumber": 0, "pageSize": 20, "totalElements": 1, "totalPages": 1 } }</pre>

	Không thành công	{ "code": 400, "message": "Mô tả lỗi tham số khai thác", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00" }
Ví dụ bản tin	duLieu (sau giải mã)	<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>thongtinhoi</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-thongtinhoi-000123</IdBanGhi> <MaHoi>HOI000000000123</MaHoi> <TTToChucHoi> <TTCapToChuc> <CapToChuc>0</CapToChuc> <PhamViHoatDong>0</PhamViHoatDong> <LaHoiDangNhaNuocGiaoNhiemVu>0</LaHoiDangNhaNuocGiaoNhiemVu> </TTCapToChuc> <TTTenGoiHoi> <TenTiengViet>Hội A</TenTiengViet> </TTTenGoiHoi> <QDThanhLap> <ThoiGianBanHanhQD>2010-05-20</ThoiGianBanHanhQD> <SoKyHieuQDThanhLap>123/QĐ-BNV</SoKyHieuQDThanhLap> </QDThanhLap> ... </TTToChucHoi> ... </DuLieuChiaSe> </Root>

2.2.3. API khai thác dữ liệu thông tin quỹ (hq_quy_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu thông tin quỹ trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Dữ liệu gồm thông tin tổ chức quỹ, quyết định thành lập, công nhận, danh sách lãnh đạo, quá trình hoạt động, tài chính, khen thưởng và xử lý vi phạm theo cấu trúc bản tin tại bảng dưới đây. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maQuy	String		Mã đơn vị quỹ (khóa nghiệp vụ). Khi truyền tham số này, dịch vụ trả về dữ liệu của 01 quỹ
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	maQuy	String	x		Mã đơn vị quỹ (khóa nghiệp vụ)
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: thongtinquy
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu thông tin quỹ (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thể tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	Root			x		Phần mô tả
1.	NguồnDữLieu	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguồnDữLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDữLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: thongtinquy
2.	TrạngTháiDữLieu	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu - 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, giải thể, đổi tên hội, quỹ; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	MoTa	Object				Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: $(2^{31})-1$
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	DuLieuChiaSe	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là thông tin của 01 quỹ. Khi có thay đổi thông tin, toàn bộ thông tin của quỹ được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	MaQuy	String	15	x		Mã đơn vị quỹ * Khóa nghiệp vụ
3.3	TTToChucQuy	Object		x		Thông tin tổ chức Quỹ
3.3.1	TTCapToChuc	Object		x		Mã số, biểu tượng, cấp tổ chức của Quỹ
3.3.1.1	MaSoQuy	String	50	x		Mã số của Quỹ.
3.3.1.2	CapToChuc	String	1	x		Mã cấp tổ chức, theo danh mục Cấp tổ chức 0 - Trung ương 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh, thành phố 3 - Xã, phường, đặc khu 4 - Khác
3.3.1.3	PhamViHoatDong	String	1	x		Mã phạm vi hoạt động của quỹ theo danh mục Phạm vi hoạt động của quỹ 0 - Toàn quốc 1 - Liên tỉnh 2 - Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương 3 - Xã/Phường/Đặc khu
3.3.2	TTTenGoiQuy	Object		x		Thông tin tên gọi của Quỹ
3.3.2.1	TenTiengViet	String	255	x		Tên gọi của Quỹ bằng tiếng Việt.
3.3.2.2	TenTiengAnh	String	255			Tên gọi của Quỹ bằng tiếng Anh, nếu có.
3.3.2.3	TenVietTat	String	255			Tên viết tắt của Quỹ, nếu có.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.3	QDThanhLap	Object		x		Thông tin quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ
3.3.3.1	ThoiGianBanHanhQD	String	10	x		Ngày ban hành quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.3.2	SoKyHieuQDThanhLap	String	50	x		Số, ký hiệu quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ.
3.3.3.3	NguoiKyQuyetDinh	String	255			Họ và tên người ký quyết định.
3.3.3.4	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định.
3.3.4	QDCongNhanQuyDuDieuKien	Object				Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động
3.3.4.1	ThoiGianQDCongNhan	String	10			Ngày ban hành quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.4.2	SoKyHieuQDCongNhan	String	50			Số, ký hiệu quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động.
3.3.4.3	NguoiKyQuyetDinh	String	255			Họ và tên người ký quyết định công nhận.
3.3.4.4	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định công nhận.
3.3.4.5	Nam	String	4			Năm của quyết định công nhận. Định dạng YYYY
3.3.5	QDCongNhanHDQL	Object				Quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ
3.3.5.1	ThoiGianQDCongNhan	String	10			Ngày ban hành quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.5.2	SoKyHieuQDCongNhan	String	50			Số, ký hiệu quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.
3.3.5.3	NguoiKyQuyetDinh	String	255			Họ và tên người ký quyết định công nhận.
3.3.5.4	CoQuanBanHanhQD	String	255			Cơ quan ban hành quyết định công nhận.
3.3.5.5	NamKetThucNhiemKy	String	4			Năm kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ. Định dạng YYYY

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.6	TonChiMucDichCuaQuy	String	5000			Nội dung tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ.
3.3.7	CoQuanQuanLyLVHD	String	2			Mã cơ quan quản lý lĩnh vực hoạt động chính của Quỹ Danh mục Cơ Quan quản lý lĩnh vực hoạt động quỹ
3.3.8	LinhVucHoatDongChinh	String	2			Mã lĩnh vực hoạt động chính, theo danh mục lĩnh vực hoạt động 0 - Thanh tra 1 - Xây dựng 2 - Công an 3 - Công Thương 4 - Dân tộc và Tôn giáo 5 - Giáo dục và Đào tạo 6 - Khoa học, Công nghệ 7 - Nông nghiệp và Môi trường 8 - Ngoại giao 9 - Nội vụ 10 - Quốc phòng 11 - Tài chính 12 - Tư pháp 13 - Văn hóa, thể thao và du lịch 14 - Ngân hàng 15 - Y tế 16 - Những lĩnh vực khác
3.3.9	TinhChatQuy	String	1			Mã tính chất quỹ, theo danh mục Tính chất quỹ: 0 - Quỹ từ thiện 1 - Quỹ xã hội 2 - Quỹ xã hội và từ thiện 3 - Chưa xác định
3.3.10	TTTruSo	Object				Trụ sở chính
3.3.10.1	DiaChi	Object				Thông tin địa chỉ của trụ sở
3.3.10.1.1	DiaChiChiTiet	String	500	x		Địa chỉ chi tiết
3.3.10.1.2	MaXa	String	5	x		Mã xã, phường, thị trấn. Mã xã, phường, thị trấn theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.10.1.3	MaTinh	String	2	x		Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.10.1.4	QuocGia	String	2			Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài. Mã quốc gia của địa chỉ theo danh mục quy định tại QCVN 109:2017/BTTTT
3.3.10.2	DienThoai	String	11			Số điện thoại liên hệ của Quỹ.
3.3.10.3	Website	String	255			Địa chỉ website của Quỹ.
3.3.10.4	Email	String	255			Địa chỉ thư điện tử của Quỹ.
3.3.10.5	MaSoThue	String	14			Mã số thuế của Quỹ.
3.3.11	DSTTToChucPhapNhan	Object				Danh sách các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Quỹ
3.3.11.1	TTToChucPhapNhan	Array<Object>		x	x	Thông tin tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Quỹ
3.3.11.1.1	TenToChuc	String	255	x		Tên tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Quỹ.
3.3.11.1.2	LoaiToChuc	String	30	x		Loại tổ chức, theo danh mục Loại tổ chức Danh mục loại tổ chức thuộc quỹ
3.3.11.1.3	TuCachPhapNhan	Boolean		x		Thông tin tư cách pháp nhân của tổ chức. 0 – Không 1 - Có
3.3.11.1.4	DiaChi	Object				Địa chỉ của tổ chức.
3.3.11.1.4.1	DiaChiChiTiet	String	500			Địa chỉ chi tiết
3.3.11.1.4.2	MaXa	String	5			Mã xã, phường, thị trấn. Mã xã, phường, thị trấn theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.11.1.4.3	MaTinh	String	2			Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục quy định tại Quyết định 19/2025/QĐ-TTg
3.3.11.1.4.4	QuocGia	String	2			Mã quốc gia của địa chỉ trong trường hợp địa chỉ xác định ở nước ngoài. Mã quốc gia của địa chỉ theo danh mục quy định tại QCVN 109:2017/BTTTT
3.3.11.1.5	MaSoThue	String	14			Mã số thuế của tổ chức.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.3.11.1.6	DienThoai	String	11			Số điện thoại của tổ chức.
3.3.11.1.7	SoQuyếtĐịnhThànhLập	String	255			Số quyết định thành lập tổ chức.
3.3.11.1.8	NgayQuyếtĐịnh	String	10			Ngày ban hành quyết định thành lập tổ chức. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.3.11.1.9	CoQuanBanHànhQuyếtĐịnh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định thành lập tổ chức, theo danh mục Cơ quan
3.3.11.1.10	GhiChu	String	2025			Thông tin ghi chú.
3.3.12	DSQuyCheQuyĐịnh	Object				Danh sách quy chế, quy định của Quỹ
3.3.12.1	QuyCheQuyĐịnh	Array<Object>		x	x	Quy chế, quy định của Quỹ
3.3.12.1.1	TenQuyCheQuyĐịnh	String	2025	x		Tên quy chế hoặc quy định của Quỹ.
3.3.12.1.2	ThamQuyềnBanHành	String	255	x		Thẩm quyền ban hành quy chế, quy định.
3.3.12.1.3	GhiChu	String	2025			Thông tin ghi chú.
3.4	DSLãnhĐạo	Object				Danh sách các Lãnh đạo quỹ của Quỹ
3.4.1	LãnhĐạo	Array<Object>		x	x	Thông tin Lãnh đạo quỹ của quỹ
3.4.1.1	DSCấpLãnhĐạoQuỹ	Object		x		Danh sách cấp lãnh đạo quỹ
3.4.1.1.1	CapLãnhĐạo	Array<String>	1	x	x	Thông tin cấp lãnh đạo Quỹ Danh mục cấp lãnh đạo Quỹ 1 - Thông tin cấp lãnh đạo quỹ 2 - Danh mục cấp lãnh đạo quỹ 3 - Lãnh đạo quỹ 4 - Ban sáng lập 5 - Hội đồng quản lý 6 - Ban kiểm soát 7 - Lãnh đạo tổ chức
3.4.1.2	SoDinhDanh	String	12	x		Số định danh cá nhân
3.4.1.3	HoVaTen	String	150	x		Họ, chữ đệm và tên khai sinh
3.4.1.4	GioiTinh	String	2			Giới tính theo danh mục tại QCVN 109:2017/BTTTT: 0 - Chưa có thông tin 1 - Giới tính nam

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						2 - Giới tính nữ
3.4.1.5	NgàyThangNamSinh	Object				Ngày tháng năm sinh
3.4.1.5.1	NgàyThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.5.2	ThangNam	String	7			Tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.5.3	Nam	String	4			Năm sinh. Định dạng YYYY
3.4.1.6	DSGiayToDinhDanhCN	Object				Danh sách giấy tờ định danh cá nhân
3.4.1.6.1	GiayToDinhDanhCN	Array<Object>		x	x	Giấy tờ định danh cá nhân
3.4.1.6.1.1	LoaiGiayTo	String	2	x		Loại giấy tờ cá nhân theo danh mục - 1: Giấy khai sinh - 2: Chứng minh nhân dân - 3: Giấy chứng minh sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam - 4: Giấy chứng minh công an nhân dân - 5: Căn cước công dân - 6: Hộ chiếu - 7: Sổ hộ khẩu - 8: Các loại giấy tờ tùy thân khác
3.4.1.6.1.2	SoGiayTo	String	30	x		Số giấy tờ.
3.4.1.6.2	NgàyCap	Object				Ngày cấp giấy tờ
3.4.1.6.2.1	NgàyThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM-DD (Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.6.2.2	ThangNam	String	7			Tháng năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.6.2.3	Nam	String	4			Năm cấp giấy tờ. Định dạng YYYY
3.4.1.6.3	NoiCap	String	200			Nơi cấp
3.4.1.6.4	NgàyHetHan	Object				Ngày hết hạn
3.4.1.6.4.1	NgàyThangNam	String	10	x		Ngày tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						(Chỉ lựa chọn 1 trong các định dạng ngày)
3.4.1.6.4.2	ThangNam	String	7			Tháng năm hết hạn. Định dạng YYYY-MM
3.4.1.6.4.3	Nam	String	4			Năm hết hạn. Định dạng YYYY
3.4.1.7	ChucDanh	String	2	x		Mã chức danh, theo danh mục Chức danh Quỹ Danh mục chức danh Quỹ
3.4.1.8	CoQuanDangCongTatc	String	255			Cơ quan nơi cá nhân đang công tác.
3.4.1.9	ChucDanhChucVuCaonhat	String	3			Chức danh, chức vụ cao nhất đã từng đảm nhiệm trong cơ quan nhà nước Danh mục Chức danh, chức vụ trong cơ quan nhà nước
3.4.1.10	GhiChu	String	2025			Thông tin ghi chú.
3.5	QuaTrinhHoatDong	Object				Quá trình hoạt động
3.5.1	DSNhiemKyHDQL	Object				Danh sách Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ
3.5.1.1	NhiemKyHDQL	Array<Object>		x	x	Thông tin Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ
3.5.1.1.1	NhiemKy	String	255	x		Nhiệm kỳ, theo danh mục Nhiệm kỳ
3.5.1.1.2	ThoiGianBatDau	String	10	x		Thời gian bắt đầu nhiệm kỳ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.1.1.3	ThoiGianKetThuc	String	10	x		Thời gian kết thúc nhiệm kỳ. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.1.1.4	ChuTich	String	255	x		Họ tên Chủ tịch của nhiệm kỳ.
3.5.1.1.5	GiamDocQuy	String	255			Họ tên Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ.
3.5.2	DSBaoCaoHoatDongNam	Object				Danh sách Báo cáo hoạt động năm
3.5.2.1	Nam	Array<String>	4	x	x	Năm báo cáo hoạt động. Định dạng YYYY
3.5.3	DSTiepNhanVienTro	Object				Danh sách Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài
3.5.3.1	TiepNhanVienTro	Array<Object>		x	x	Tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của nước ngoài
3.5.3.1.1	TenDuAnPhiDuAn	String	255	x		Tên dự án hoặc phi dự án.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.5.3.1.2	DonViThucHien	String	255	x		Đơn vị thực hiện dự án/phi dự án.
3.5.3.1.3	TenToChucVienTro	String	255			Tên tổ chức viện trợ.
3.5.3.1.4	TongVonDuAn	Number	15			Tổng vốn của dự án/phi dự án (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất $(10^8)-1$
3.5.3.1.5	VonVienTro	Number	15			Giá trị vốn viện trợ. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất $(10^8)-1$
3.5.3.1.6	VonDoiUng	Number	15			Giá trị vốn đối ứng. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất $(10^8)-1$
3.5.3.1.7	ThoiGianThucHien	String	10	x		Thời gian bắt đầu thực hiện. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.3.1.8	ThoiGianKetThuc	String	10	x		Thời gian kết thúc. Định dạng YYYY-MM-DD.
3.5.3.1.9	TongThoiGianThucHien	String	255	x		Tổng thời gian thực hiện dự án/phi dự án.
3.5.3.1.10	DiaChi	String	255			Địa điểm triển khai.
3.5.3.1.11	HienTrangTrienKhai	String	255			Hiện trạng triển khai
3.6	TaiChinhTaiSan	Object				Tài chính, tài sản
3.6.1	TTTaiSanNguonThu	Object				Tài sản và nguồn thu của Quỹ
3.6.1.1	TaiSanCuaQuy	Number	15			Tổng giá trị tài sản của Quỹ (VNĐ)
3.6.1.2	NguonThuCuaQuy	Number	15			Tổng nguồn thu của Quỹ (VNĐ)
3.6.2	DSTaiChinh	Object				Danh sách Tài chính của Quỹ
3.6.2.1	TaiChinh	Array<Object>		x	x	Thông tin Tài chính của Quỹ
3.6.2.1.1	Nam	Number	4	x		Năm tài chính. Định dạng YYYY
3.6.2.1.2	KinhPhiNamTruocChuyenSang	Number	15			Kinh phí từ năm trước chuyển sang (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất $(10^8)-1$
3.6.2.1.3	SoThuPhatSinhTrongNam	Number	15			Số thu phát sinh trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất $(10^8)-1$

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.6.2.1.4	ThuDongGopTuNgu yenTrongNuoc	Number	15			Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.5	ThuDongGopTuNgu yenNuocNgoai	Number	15			Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.6	NganSachNhaNuocH oTro	Number	15			Giá trị ngân sách nhà nước hỗ trợ trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.7	ThuTuCacNguonKha c	Number	15			Thu từ các nguồn khác (ví dụ: lãi từ tiền gửi ngân hàng,...) (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.8	TongThuTrongNam	Number	15	x		Tổng thu trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.9	TongChiTrongNam	Number	15	x		Tổng chi trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.10	ChiChoCacHoatDon gQuy	Number	15			Chi cho các hoạt động quỹ (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.11	ChiChoHoatDongQu anLyQuy	Number	15			Chi cho hoạt động quản lý quỹ (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.12	SoDuConLaiTrongN am	Number	15			Số dư còn lại trong năm (VNĐ) Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất (10 ⁸)-1
3.6.2.1.13	GhiChu	String	1025			Thông tin ghi chú.
3.7	KhenThuongXuLy ViPham	Object				Khen thưởng, xử lý vi phạm
3.7.1	DSKhenThuong	Object				Danh sách Khen thưởng
3.7.1.1	KhenThuong	Array<Object>		x	x	Thông tin Khen thưởng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.7.1.1.1	Nam	String	4	x		Năm khen thưởng. Định dạng YYYY
3.7.1.1.2	QuyetDinhKhenThuong	String	255			Thông tin quyết định khen thưởng.
3.7.1.1.3	HinhThucKhenThuong	String	1	x		Mã hình thức khen thưởng, theo danh mục hình thức khen thưởng: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
3.7.1.1.4	CapCoThamQuyenvKhenThuong	String	255			Cấp có thẩm quyền khen thưởng cho Quý.
3.7.2	DSXuLyViPham	Object				Danh sách Xử lý vi phạm
3.7.2.1	XuLyViPham	Array<Object>		x	x	Thông tin Xử lý vi phạm
3.7.2.1.1	Nam	String	4	x		Năm xử lý vi phạm. Định dạng YYYY
3.7.2.1.2	QuyetDinhKyLuot	String	255			Thông tin quyết định kỷ luật.
3.7.2.1.3	HinhThucKyLuot	String	1	x		Mã hình thức kỷ luật, theo danh mục hình thức kỷ luật: 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác
3.7.2.1.4	HanhViKyLuot	String	255			Hành vi kỷ luật.
3.7.2.1.5	SoTruongHopKyLuot	Number	4			Số trường hợp bị kỷ luật. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.2.1.6	SoTruongHopGiaiQuyyet	Number	4			Số trường hợp đã giải quyết. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.7.2.1.7	CoQuanQuyếtĐịnh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật, theo danh mục Cơ quan
3.7.3	DSKhenThuongNoiBo	Object				Danh sách Khen thưởng nội bộ
3.7.3.1	KhenThuongNoiBo	Array<Object>		x	x	Thông tin Khen thưởng nội bộ
3.7.3.1.1	Nam	String	4	x		Năm khen thưởng nội bộ. Định dạng YYYY
3.7.3.1.2	QuyếtĐịnhKhenThuong	String	255			Thông tin quyết định khen thưởng.
3.7.3.1.3	HìnhThứcKhenThuong	String	1	x		Mã hình thức khen thưởng, theo danh mục hình thức khen thưởng: 0 - Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ 1 - Huân chương Lao động Hạng Ba 2 - Huân chương Lao động Hạng Hai 3 - Huân chương Lao động Hạng Nhất 4 - Quà tặng 5 - Giải thưởng chuyên đề 6 - Kỷ niệm chương, huy hiệu 7 - Danh hiệu, chứng nhận 8 - Bằng khen, giấy khen 9 - Khác
3.7.3.1.4	CấpCóThẩmQuyềnKhenThuong	String	30			Cấp có thẩm quyền khen thưởng, theo danh mục Phân cấp
3.7.4	DSXuLyViPhamNoiBo	Object				Danh sách Xử lý vi phạm nội bộ
3.7.4.1	XuLyViPhamNoiBo	Array<Object>		x	x	Thông tin Xử lý vi phạm nội bộ
3.7.4.1.1	Nam	String	4	x		Năm xử lý vi phạm. Định dạng YYYY
3.7.4.1.2	QuyếtĐịnhKyLuật	String	255			Thông tin quyết định kỷ luật.
3.7.4.1.3	HìnhThứcKyLuật	String	1	x		Mã hình thức kỷ luật, theo danh mục hình thức kỷ luật: 0 - Bãi nhiệm, cách chức 1 - Tạm đình chỉ hoạt động 2 - Cảnh cáo bằng văn bản 3 - Khiển trách 4 - Nhắc nhở, cảnh cáo nội bộ 5 - Hình thức khác

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
3.7.4.1.4	HanhViKyLuat	String	255			Hành vi kỷ luật.
3.7.4.1.5	SoTruongHopKyLuat	Number	4			Số trường hợp bị kỷ luật. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.4.1.6	SoTruongHopGiaiQuy yet	Number	4			Số trường hợp đã giải quyết. Giá trị nhỏ nhất: 0 Giá trị lớn nhất: 9999
3.7.4.1.7	CoQuanQuyetDinh	String	255			Cơ quan ban hành quyết định kỷ luật, theo danh mục Cơ quan

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	URL	{{base_url}}/apiHoiQuy/1.0/api/v1/thongtinquy
Request header	Method	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ hq_token)
Request	Tham số	?tuThoiDiem=2026-10-01T00:00:00&denThoiDiem=2026-10-15T23:59:59&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng
Response Body	Thành công	<pre>{ "code": 200, "message": "Thành công!", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00", "data": { "content": [{ "idBanGhi": "G09-thongtinquy-000045", "maQuy": "QUY0000000000045", "maLoaiDuLieu": "thongtinquy", "suKien": "UPDATE", "phienBan": 2, "thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00", "duLieu": "PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVRGLTgiPz4..." }], "pageNumber": 0, "pageSize": 20, "totalElements": 1, "totalPages": 1 } }</pre>
	Không thành công	<pre>{ "code": 400, "message": "Mô tả lỗi tham số khai thác", }</pre>

		"response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00" }
Ví dụ bản tin	duLieu (sau giải mã)	<pre><?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>thongtinquy</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>UPDATE</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>2</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-thongtinquy-000045</IdBanGhi> <MaQuy>QUY000000000045</MaQuy> <TTToChucQuy> <TTCapToChuc> <MaSoQuy>Q-045</MaSoQuy> <CapToChuc>2</CapToChuc> <PhamViHoatDong>2</PhamViHoatDong> </TTCapToChuc> <TTTenGoiQuy> <TenTiengViet>Quỹ B</TenTiengViet> </TTTenGoiQuy> ... </TTToChucQuy> ... </DuLieuChiaSe> </Root></pre>

2.2.4. API khai thác dữ liệu danh mục (hq_dm_01)

- Mục đích: API dùng để khai thác dữ liệu danh mục trong Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Dữ liệu gồm các giá trị danh mục dùng chung (mã, giá trị, trạng thái hiệu lực, danh mục cha) sử dụng trong các bản tin thông tin hội, thông tin quỹ. Mỗi bản ghi dữ liệu trả về là một bản tin XML được mã hóa base64.

- Đặc tả đầu vào API

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maDanhMuc	String	x	Mã danh mục cần khai thác, theo Danh mục dùng chung ngành Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
2	tuThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat lớn hơn hoặc bằng giá trị này; dùng cho đồng

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				bộ gia tăng. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
3	denThoiDiem	String		Lấy các bản ghi có ThoiGianCapNhat nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4	pageNumber	Number		Số thứ tự trang cần lấy, tính từ 0. Mặc định: 0
5	pageSize	Number		Số bản ghi trên một trang. Mặc định: 20; tối đa: 100

- Đặc tả đầu ra API

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
1	code	Number	x		Mã trạng thái: 200: Khai thác thành công Khác 200: Không thành công (chi tiết lỗi mô tả trong trường message)
2	message	String	x		Mô tả trạng thái hoặc lỗi
3	response_time	String	x		Thời gian phản hồi kết quả
4	data	Object			Dữ liệu trả về, chỉ có khi code = 200
4.1	content	Array	x	x	Danh sách bản ghi dữ liệu, sắp xếp theo thoiGianCapNhat tăng dần
4.1.1	idBanGhi	String	x		ID bản ghi, trùng với thẻ DuLieuChiaSe/IdBanGhi của bản tin
4.1.2	ma	String	x		Mã giá trị danh mục
4.1.3	maLoaiDuLieu	String	x		Mã loại dữ liệu của bản tin: mã danh mục được khai thác
4.1.4	suKien	String	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn: NEW (bản ghi mới phát sinh), UPDATE (bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi), CANCEL (bản ghi đã bị hủy)
4.1.5	phienBan	Number	x		Phiên bản dữ liệu của bản ghi
4.1.6	thoiGianCapNhat	String	x		Thời gian bản ghi được cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss
4.1.7	duLieu	String	x		Bản tin XML mã hóa base64. Cấu trúc bản tin theo bảng Cấu trúc bản tin dữ liệu dưới đây

STT	Tên	Kiểu	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
4.2	pageNumber	Number	x		Số thứ tự trang hiện tại, tính từ 0
4.3	pageSize	Number	x		Số bản ghi trên một trang
4.4	totalElements	Number	x		Tổng số bản ghi thỏa điều kiện khai thác
4.5	totalPages	Number	x		Tổng số trang

- Cấu trúc bản tin dữ liệu danh mục (nội dung trường duLieu sau khi giải mã base64). Trường thông tin không có dữ liệu thì không có thể tương ứng trong bản tin.

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
I	Root			x		Phần mô tả
1.	NguồnDữLieu	Object		x		Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1.1	IdNguồnDữLieu	String	10	x		Mã nguồn dữ liệu, tham chiếu theo bảng mã kèm Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định liên quan. Đối với Bộ Nội vụ: G09
1.2	MaLoaiDữLieu	String	100	x		Mã loại dữ liệu, là duy nhất. Mã quy ước: theo mã danh mục được khai thác
2.	TrạngTháiDữLieu	Object		x		Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
2.1	SuKien	String	10	x		Trạng thái thay đổi của bản ghi tại Cơ sở dữ liệu nguồn, dùng để hệ thống khai thác xử lý bản sao dữ liệu của mình: - NEW: Bản ghi mới phát sinh - UPDATE: Bản ghi đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi - CANCEL: Bản ghi đã bị hủy (hủy mềm)
2.2	LoaiSuKien	String	2	x		Mức độ thay đổi của bản ghi, giúp hệ thống khai thác quyết định có cần thông báo cho người dùng của mình hay không: - 1: Thay đổi thông thường, hệ thống khai thác chỉ cần đồng bộ dữ liệu

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						- 2: Thay đổi quan trọng (ví dụ: thành lập, giải thể, đổi tên hội, quỹ; thay đổi lãnh đạo), hệ thống khai thác đồng bộ dữ liệu và nên thông báo cho người dùng của mình
2.3	MoTa	Object		x		Mô tả cập nhật. Chỉ sử dụng với trường hợp cập nhật hoặc hủy
2.3.1	LyDoCapNhat	String	2000			Lý do cập nhật
2.3.2	ChiTietLyDoCapNhat	String	2000			Mô tả chi tiết thông tin cập nhật
2.4	PhienBan	Number	10	x		Là số nguyên khác 0. Bộ Nội vụ tăng số PhienBan mỗi khi bản ghi thay đổi. Hệ thống khai thác dựa trên thông tin SuKien và PhienBan để đồng bộ dữ liệu có phiên bản lớn nhất vào hệ thống khai thác và không xử lý trường hợp PhienBan nhỏ hơn hoặc bằng PhienBan lớn nhất đã có tại hệ thống khai thác. Giá trị nhỏ nhất: 1 Giá trị lớn nhất: $(2^{31})-1$
2.5	NgayHieuLuc	String	20			Ngày dữ liệu có giá trị pháp lý. Trường hợp dữ liệu không xác định Ngày hiệu lực thì được gán là ngày dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
2.6	ThoiGianCapNhat	String	20	x		Thời gian dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ: - Trường hợp SuKien là NEW: là thời gian thêm mới dữ liệu. - Trường hợp SuKien là UPDATE hoặc CANCEL: là thời gian gần nhất bản ghi được chỉnh sửa, thay đổi thông tin. Định dạng YYYY-MM-DDTHH:mm:ss. Giờ áp dụng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Lặp	Ghi chú
						theo giờ Hà Nội GMT+7. Giờ (HH) là số tự nhiên 0-23.
3.	DuLieuChiaSe	Object		x		Dữ liệu chia sẻ là 01 bản ghi giá trị trong bảng danh mục. Khi có thay đổi, toàn bộ thông tin của bản ghi được cung cấp lại với PhienBan mới.
3.1	IdBanGhi	String	150	x		ID bản ghi là duy nhất; hệ thống khai thác sử dụng IdBanGhi là khóa chính để đối soát, đồng bộ dữ liệu tại hệ thống khai thác
3.2	Ma	String	250	x		Mã danh mục
3.3	GiaTri	String	4000	x		Giá trị danh mục
3.4	TrangThai	String	1	x		Trạng thái hiệu lực: Y-Hiệu lực, N-Hết hiệu lực
3.5	MoTa	String	4000			Mô tả giá trị
3.6	MaDanhMucCha	String	250			Mã danh mục cha
3.7	NgayHieuLuc	String	10			Ngày hiệu lực. Định dạng YYYY-MM-DD có nghĩa năm-tháng-ngày.
3.8	NgayHetHieuLuc	String	10			Ngày hết hiệu lực. Định dạng YYYY-MM-DD có nghĩa năm-tháng-ngày.
3.9	MaDanhMucCu	String	250			Mã danh mục cũ

- Chi tiết dịch vụ

Địa chỉ kết nối	URL	{{base_url}}/apiHoiQuy/1.0/api/v1/danhmuc
Request header	Method	GET
	Content-Type	application/json
	Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ hq_token)
Request	Tham số	?maDanhMuc={mã danh mục}&pageNumber=0&pageSize=20
	Body	Không sử dụng
Response Body	Thành công	{ "code": 200, "message": "Thành công!", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00", "data": { "content": [{

		<pre>"idBanGhi": "G09-danhmuc-000001", "ma": "01", "maLoaiDuLieu": "{mã danh mục}", "suKien": "UPDATE", "phienBan": 2, "thoiGianCapNhat": "2026-10-10T14:05:00", "duLieu": "PD94bWwgdmVyc2lvbj0iMS4wIiBlbmNvZGluZz0iVVR GLTgiPz4..." }], "pageNumber": 0, "pageSize": 20, "totalElements": 1, "totalPages": 1 } }</pre>
	Không thành công	<pre>{ "code": 400, "message": "Mô tả lỗi tham số khai thác", "response_time": "2026-10-15T10:20:00+07:00" }</pre>
Ví dụ bản tin	duLieu (sau giải mã)	<pre><?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?> <Root> <NguonDuLieu> <IdNguonDuLieu>G09</IdNguonDuLieu> <MaLoaiDuLieu>{mã danh mục}</MaLoaiDuLieu> </NguonDuLieu> <TrangThaiDuLieu> <SuKien>NEW</SuKien> <LoaiSuKien>1</LoaiSuKien> <PhienBan>1</PhienBan> <NgayHieuLuc>2026-10-10T00:00:00</NgayHieuLuc> <ThoiGianCapNhat>2026-10-10T14:05:00</ThoiGianCapNhat> </TrangThaiDuLieu> <DuLieuChiaSe> <IdBanGhi>G09-danhmuc-000001</IdBanGhi> <Ma>01</Ma> <GiaTri>...</GiaTri> <TrangThai>Y</TrangThai> </DuLieuChiaSe> </Root></pre>

II. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ

1. Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin

Các hệ thống thông tin kết nối với Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin tối thiểu từ Cấp độ 3 trở lên, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin

Trước khi thực hiện kết nối hoặc khi có sự điều chỉnh, thay đổi thiết kế hệ thống thông tin đã kết nối, cơ quan, tổ chức chủ quản phải thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định. Việc kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin phải được thực hiện bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức đã thực hiện kết nối với Nền tảng định danh và xác thực điện tử hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và bảo đảm không có sự thay đổi về thiết kế, cấu hình hệ thống, thì được kế thừa kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin gần nhất và không phải thực hiện đánh giá lại, trừ trường hợp có yêu cầu đặc thù hoặc phát hiện nguy cơ mất an toàn thông tin theo quy định.

3. Bảo mật dữ liệu chia sẻ

Dữ liệu cung cấp từ Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ cho các hệ thống khai thác được truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng qua kênh truyền được mã hóa; hệ thống khai thác phải được xác thực bằng token do nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp và chỉ được truy cập các dịch vụ trong phạm vi được phân quyền; mọi giao dịch khai thác được ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết. Các cặp khóa, token và thông tin xác thực được cấp cho hệ thống khai thác phải được quản lý, bảo mật theo quy định; khi phát hiện lộ lọt, cơ quan, đơn vị khai thác thông báo ngay cho Bộ Nội vụ (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để thu hồi, cấp lại.